

# DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH HUYỀN NGHĨA

## QUYỂN 2 (THƯỢNG)

Thứ tư: Chánh luận về ý nay, được phân làm hai. Trước hết tóm lược dùng tên gọi kia để hiển bày nghĩa Diệu. Nhân đầy đủ ba nghĩa: Một pháp giới có đầy đủ chín pháp giới nên gọi là “thể rộng”. Chín pháp giới tức là pháp giới của Phật nên gọi là vị cao. Mười pháp giới tức không, tức Giả, tức Trung đạo nên gọi là dụng dài. Do ngay một thừa mà luận ra ba thừa, ngay ba thừa mà luận rõ một thừa, chẳng phải riêng khác, cũng chẳng phải rộng khắp, cũng chẳng phải một cho nên gọi là Diệu. Thể của quả đầy đủ ba nghĩa: Thể biến khắp tất cả mọi nơi nên gọi là thể rộng. Do từ lâu xa đã thành Phật cho nên lâu xa gọi là vị cao. Từ bản vị hiện tích suốt ba đời quá khứ hiện tại vị lai đều làm lợi ích cho chúng sanh nên gọi là dụng dài. Đây là sáu nghĩa của nhân quả. Do khác đối với các kinh cho nên gọi là Diệu. Lại nữa, Nhũ kinh; thì có một loại nhân quả rộng cao dài, một loại nhân quả hẹp, thấp, ngắn tức là một loại thô và một loại diệu v.v... Lạc kinh thì chỉ có một loại nhân quả hẹp, thấp và ngắn chỉ có thô mà không có diệu. Sanh Tô kinh thì “có ba loại nhân quả hẹp, thấp, ngắn một loại nhân quả rộng, cao, dài tức là ba thứ thô và một thứ diệu”. Thục Tô kinh thì có hai loại nhân quả hẹp, thấp, ngắn, một loại nhân quả rộng, cao, dài, tức hai loại thô, một loại. Đề Hồ kinh thì có một loại nhân quả rộng, cao, dài chỉ có vi diệu mà không có thô. Lại nữa kinh Đề Hồ nêu ra diệu nhân diệu quả cùng với diệu nhân diệu quả của các kinh không khác cho nên gọi là Diệu. Tiếp đến, quán tâm để giải thích: Nếu quán tâm mình mà không đầy đủ tâm chúng sanh và tâm Phật thì đó là thể hẹp còn đầy đủ là thể rộng. Nếu tâm mình không bình đẳng với tâm Phật thì gọi là vị thấp. Nếu đồng đẳng với tâm Phật thì gọi là vị cao. Nếu tâm mình, tâm chúng sanh và tâm Phật chẳng phải “tức Không, tức Giả, tức Trung đạo” thì gọi dụng ngắn, còn “tức Không, tức Giả, tức Trung đạo” thì gọi là dụng dài. Lại nữa, ở trong một pháp giới mà thông suốt cả mười pháp giới,

vị của sáu “Tức” cũng gọi là thể rộng, địa vị cao và dụng dài. Ban đầu ước định mười pháp giới tức là hiển bày Lý nhất. Kế đó ước định năm vị (Nhữ, Lạc, Sanh tô, Thực tô, Đề hồ) là ước định Giáo nhất. Tiếp đến Quán tâm là dựa trên Hành nhất. Lại ước định “sáu thứ Tức” nghĩa là xét theo Nhân (người) nhất. Như vậy sơ lược chỉ ra nghĩa Diệu xong. Nếu nói rộng ra thì trước tiên trình bày “Pháp” rồi kế đó mới nói đến diệu. Thiên sư Nam Nhạc nêu ra ba loại: pháp của Tâm, pháp của Phật và pháp của chúng sanh. Như kinh nói “vì khiến cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập, tri kiến Phật”. Nếu chúng sanh không có tri kiến Phật thì trên cơ sở nào luận bàn triển khai! Nên biết tri kiến Phật ẩn chứa trong chúng sanh. Lại nữa, kinh nói “chỉ dùng mắt cha mẹ sinh ra” tức là nhục nhãn. “Thấy suốt trong ngoài núi Tu di” tức là Thiên nhãn. “Thấy suốt các sắc mà không bị nhiễm trước” tức là Tuệ nhãn. “Thấy sắc không có lầm lạc” tức là Pháp nhãn. Người tuy chưa đạt được vô lậu nhưng sáu căn người ấy đã trở nên thanh tịnh và nếu chỉ dùng con mắt này đầy đủ công dụng của các con mắt kia thì đó là Phật nhãn. Điều này cũng tương tự như nay kinh nói “pháp vi diệu của chúng sanh”. Đại kinh nói “người học Đại thừa, tuy chỉ có nhục nhãn nhưng gọi là Phật nhãn. Năm căn như nhĩ, tỷ (tai mũi) cũng như vậy”. Ương Quật nói “chỗ gọi là nhãn căn kia, đối với các đức Như lai, đầy đủ không có giảm sút. Nên tu hiểu rõ thấy biết phân biệt rốt ráo cho đến ý căn cũng như vậy”. Đại Phẩm nói “Sáu vua tự tại vì tánh thanh tịnh”. Lại nói “tất cả các pháp hưởng đến mắt tức là không vượt qua mắt còn không thể được hưởng hồ có hưởng đến, chẳng phải hưởng đến; cho đến tất cả pháp hưởng đến ý cũng lại như vậy”. Đây tức là các kinh muốn nói rõ pháp vi diệu của chúng sanh.

Pháp vi diệu của Phật tức như kinh nói “thời thời không nên nói nữa, vì pháp của ta vi diệu khó mà suy nghĩ được”. “Pháp của Phật không vượt ra ngoài Quyền và Thật” tức là pháp ấy rất sâu xa vi diệu khó mà hiểu rõ được. “Tất cả chúng sanh không ai biết được Phật” tức là sự vi diệu của Thật trí. Cho đến tất cả pháp khác của Phật, chúng sanh cũng không thể suy lường biết được” tức là nói lên sự vi diệu thuộc Quyền trí của Phật. Như vậy hai pháp ấy chỉ có Phật cùng Phật mới có thể biết rõ Thật tướng của các pháp. Đây gọi là pháp vi diệu của Phật. Pháp vi diệu của tâm như trong phẩm An Lạc Hạnh nói “tu nhiếp thu tâm ấy, quán sát tất cả các pháp chẳng động chẳng thoái lui. Lại nữa phải một niệm tùy hỷ v.v...” Kinh Phổ Hiền Quán nói “Tâm của ta vốn không, tội và phước đều không có chủ, quán sát tâm không có



tâm, pháp không trụ ở pháp”. “Lại nữa tâm thuần chỉ là pháp ấy”. Tịnh Danh nói: “Quán Thật tướng của thân thì quán Phật cũng như vậy, giải thoát của chư Phật phải tìm cầu ở trong tâm hành của chúng sanh”. Hoa Nghiêm nói “Tâm, Phật và chúng sanh ba thứ ấy đều không có sai biệt”. Nếu khám phá tâm này chi li như vi trần thì phải đưa ra cả hàng ngàn quyển kinh, cho nên gọi là pháp vi diệu của tâm.

Nay nương vào ba pháp để rộng phân biệt. Nếu nói rộng pháp của chúng sanh thì chỉ một lần qua lại thông suốt luận bàn về các nhân quả và tất cả các pháp. Nếu rộng phân biệt pháp của Phật thì phải căn cứ vào quả. Nếu nói rộng phân biệt pháp của tâm thì tức là căn cứ vào nhân. Thông thường, pháp của chúng sanh được phân làm hai thứ tức trước hết nêu ra pháp số và kế đó giải thích pháp tướng. Số là kinh luận hoặc nêu ra “một pháp thu nhiếp tất cả các pháp”. Đây gọi là tâm tức ba cõi không có pháp sai biệt mà chỉ do tâm tạo tác, hoặc nêu ra hai pháp thu nhiếp tất cả các pháp đó gọi là danh và sắc tức tất cả pháp trong thế gian chỉ có danh và sắc, hoặc nêu ra ba pháp thu nhiếp tất cả các pháp nghĩa là Mạng, Thức và Noãn. Như vậy số cứ tăng lên cho đến trăm ngàn số pháp. Nay kinh dùng mười pháp thu nhiếp tất cả các pháp tức nói “các pháp tướng như vậy, tánh như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, xưa nay rốt ráo như vậy v.v...” Thiền sư Nam Nhạc khi đọc đoạn văn này đều cho rằng “Như cho nên gọi là mười Như”. Ngài Thiên Thai nói “nương vào nghĩa để đọc tụng văn kinh gồm có ba thứ chuyển: 1. Là Tướng như, tánh ấy như, cho đến báo ấy như; 2. Tướng như vậy, tánh như vậy, cho đến báo như vậy; 3. Như vậy tướng, như vậy tánh cho đến như vậy báo”. Nếu đều gọi là như thì như chính là “không khác” tức mang nghĩa “không”. Nếu nói “tướng như vậy, tánh như vậy” tức chỉ ra “tánh, tướng đều không”, và tên chữ đứng lộn xộn bất đồng nên gọi là nghĩa “giả hợp”. Nếu nói “Như vậy” thì tướng nghĩa là Như chính là đối với Thật tướng Trung đạo tức mang nghĩa “trung” (giữa). Để phân biệt khiến người đọc dễ hiểu nên nói là Không, Giả, Trung. Nếu thấu đạt ý thì “không” tức là “giả” và “trung”. Nếu ước định Như để nói rõ Không thì một pháp Không tức tất cả đều không. Nếu chỉ rõ Như để nói rõ tướng thì một tướng Giả tức là tất cả đều Giả. Nếu dựa theo đó mà luận Trung thì một trung đạo bao hàm tất cả các trung đạo, chẳng phải một, hai, ba mà là một, hai, ba. Nếu chẳng giới hạn phạm vi ngang dọc, thì gọi là Thật tướng. Nên biết chỉ có Phật cùng Phật mới thấu hiểu rốt ráo pháp này. Mười pháp này thu nhiếp tất cả các pháp. Nếu nương vào nghĩa thì tạo ra ba ý phân biệt. Nếu nương vào sự đọc

tụng thì phải nương vào văn kệ mà nói “như vậy quả báo lớn, nghĩa là các thứ tánh, tướng” v.v...

Tiếp theo phán quyết Thật và Quyền tức Quang Trạch dùng năm chữ “như vậy” trước làm Quyền trí thuộc phạm phu. Kết tiếp đó bốn thứ “như vậy” làm Thật trí thuộc Thánh nhơn. Một thứ “như vậy” sau cùng dùng để tổng kết Quyền trí và Thật trí. Ở đây dẫn kệ làm minh chứng. Nói “như vậy quả báo lớn” tức vì đại (lớn) cho nên biết là Thật. “Nhiều thứ tánh, tướng” cho nên biết là Quyền. Nay e rằng không phải như vậy. Vì nghĩa Đại có ba thứ: Nhiều, lớn và thù thắng. Nếu lấy lớn làm thật thì cũng dùng nhiều và thù thắng. Có nhiều thứ tên gọi thì há chẳng phải nhiều nghĩa! Nếu nói Quyền thuộc phạm phu thì ý gì nói phạm phu không có Thật. Nếu nói Thật thuộc Thánh nhơn thì ý gì nói Thánh nhơn không có Quyền trí? Như đây là đề văn mất nghĩa, không thể nương vào đó để trình bày sáng tỏ. Lại nữa các luận sư ở phía Bắc lấy năm thứ “như vậy” trước làm Quyền còn năm thứ “như vậy” sau làm Thật. Điều này đều do cảm tình của mỗi người.

Nay nêu ra Quyền và Thật tức lấy mười thứ “như vậy” để ước định mười pháp giới là sáu đường và bốn quả vị Thánh đều gọi là pháp giới. Ý ấy có ba phần: 1. Mười số đều nương vào pháp giới, ngoài pháp giới lại không có pháp, năng và sở xứng hợp cho nên nói là mười pháp giới; 2. Mười loại pháp này phân ra không đồng nhau, nhân quả cách biệt, phạm Thánh có khác cho nên mới lấy đó làm cảnh giới; 3. Mười loại này đều là pháp giới thu nhiếp tất cả pháp, tất cả pháp hướng đến “địa ngục” và sự thú hưởng này không vượt qua “đương thể” tức lý tánh, đồng thời không có chỗ nương tựa cho nên gọi là pháp giới. Nhấn đến pháp giới của Phật cũng lại như vậy. Nếu mười số nương vào pháp giới thì “năng y” tùy thuộc “sở y” tức nhập vào cõi “không”. Mười giới cách biệt là cảnh giới giả hợp. Mười số đều là pháp giới tức cảnh giới của Trung đạo. Do muốn khiến người đọc dễ hiểu nên mới phân biệt như vậy. Nếu thấy đạt ý ấy là nói Không tức Giả, Trung chứ không có một, hai, ba thứ riêng biệt như trước đã nói v.v... Do đó một pháp giới này đầy đủ mười thứ “như vậy” và mười pháp giới có đầy đủ một trăm thứ “như vậy”. Lại nữa, một pháp giới bao hàm đầy đủ cả chín pháp giới tức cũng có trăm pháp giới và ngàn thứ “như vậy”, tóm gọn lại làm năm vị trí sai biệt: 1. Ác; 2. Thiệt; 3. Hàng Nhị thừa; 4. Bồ-tát; 5. Phật. Dùng đây phán quyết làm hai pháp: Bốn vị trí trước dùng để nêu ra pháp Quyền, một vị trí sau là nêu ra pháp Thật. Nếu luận chi tiết thì mỗi vị trí đều có Quyền và Thật tạm nương vào hai nghĩa. Tuy nhiên

Quyền và Thật này không thể nghĩ bàn chính là cảnh hai trí của ba đời chư Phật; lấy đây làm cảnh thì pháp nào không thu nhiếp vào! Cảnh này phát khởi trí thì trí nào không phát sinh! Do đó văn kinh nói “các pháp là cảnh sở chiếu rộng rãi của trí, chỉ có Phật cùng Phật mới thấu hiểu rốt ráo” tức nói rõ trí “năng chiếu” sâu xa vô cùng tận. “Môn trí tuệ ấy khó hiểu, khó nhập vào” tức là khen ngợi cảnh vi diệu. “Trí tuệ của ta chứng đắc vi diệu bậc nhất” tức là khen ngợi trí tuệ cùng cảnh tương xứng. Trong phần Văn Trường hàng của phẩm Phương Tiện trước lược nói pháp này và sau khai, thị, ngộ, nhập, mà rộng nói pháp này. Thí dụ “nhà lửa” là dụ cho pháp này. Phẩm Tín giải lãnh hội pháp này. Trưởng giả phó chúc cho con là pháp này. Trong phẩm Dược Thảo là thuật lại sự thành tựu pháp này. Trong phẩm Hóa Thành dẫn ra sự thâm nhập pháp này. Các loại như vậy v.v... chỉ gọi là pháp Quyền và Thật của mười “như” đó vậy.

Như Lai thông đạt căn bản của mười pháp, biết hết biên hạn của mười pháp, thấu rõ hạt giống của chúng sanh hay chẳng phải hạt giống, mầm hay chưa trở mầm, chín muồi hay không chín muồi, nên có thể độ thoát hay không thể độ thoát. Như Lai biết như thật không có sai lầm. Ương quật ma la tuy là người ác nhưng tướng và tánh chân thật đã chín muồi nên tức thời được độ thoát. Tỳ-kheo Tứ Thiên tuy là người thiện nhưng tướng và tánh ác đã chín muồi nên không thể nhận được sự độ thoát, Nên biết pháp của chúng sanh không thể nghĩ bàn, tuy quyền mà thật, tuy thật mà quyền. Thật và quyền tức là nhau, không gây chướng ngại cho nhau. Do vậy, không thể dùng mắt của trâu, dê để quán thấy chúng sanh; không thể dùng tâm phàm phu mà bình luận, đo lường chúng sanh mà chỉ có trí tuệ của chư Phật mới có khả năng bình phẩm suy lường. Tại vì sao? Vì pháp của chúng sanh rất là vi diệu. Kế đến giải thích mười thứ pháp “như vậy”. Ban đầu là giải thích chung và sau là riêng biệt giải thích. Giải thích chung: Tướng, vì căn cứ bên ngoài để cứu xét mà có thể phân biệt nên gọi là tướng. Còn căn cứ vào bên trong tự phân ra mà không cải đổi tên gọi nên gọi là Tánh. Chủ nhân của bản hữu gọi là Thể. Công năng gọi là Lực. Sự cấu tạo gọi là Tác. Tập nhân gọi là Nhân. Hỗ trợ nhân gọi là Duyên. Tập quả gọi là Quả. Quả báo gọi là Báo. Tướng ban đầu gọi là Bản. Báo sau gọi là Mạt. Chỗ trở về hưởng đến gọi là cứu cánh v.v... Nếu nói nghĩa “như” thì trước sau đều là “không” bình đẳng. Nếu tạo ra nghĩa “tánh, tướng” thì tướng trước, sau tồn tại “bình đẳng”. Nếu nói đến nghĩa “trung” thì trước sau đều là Thật tướng bình đẳng. Nay không nương vào ba pháp này đầy đủ làm

cứu cánh v.v... nhưng phàm nói đến cứu cánh là trung đạo thì cứu cánh tức chính là thật tướng bình đẳng.

Tiếp nói về riêng biệt giải thích loại chúng sanh hít thở và tương tự hợp chia làm bốn lượt. Ban đầu là bốn nẻo và kế đó là Trời và người. Kế đó nữa là hàng Nhị thừa, cuối cùng là Bồ-tát và Phật. Ban đầu nói rõ mười pháp của bốn nẻo: Tướng “Như vậy” tức là tướng ác, biểu hiện sự đọa lạc vào chỗ không như ý. Ví như người chưa gặp họa, hay không, trên sắc tướng đã lộ rõ. Thầy tướng số có khả năng xem xét ghi nhận biểu hiện hung ác đó. Một khi tướng ác khởi lên thì đã có biểu hiện điểm xa lìa đọa địa ngục. Hàng phàm phu không biết rõ, hàng nhị thừa biết mang máng, hàng Bồ-tát biết nhưng không sâu sắc, chỉ có Phật mới hoàn toàn biết hết điều đó. Như thầy tướng giỏi có thể thông suốt hết, thấy rõ từ đầu đến cuối cho nên nói Tướng “như vậy”. Tánh “như vậy” tức là xấu ác thuộc tánh tự phần. Bốn nẻo này thuần chỉ huân tập xấu ác, khó có thể biến đổi, ví như trong thân cây vốn có lửa nên khi gặp duyên đến thì bùng cháy. Đại kinh nói “Pháp hữu lậu vì có tánh sanh ra cho nên sanh ra, làm chủ thể sanh ra pháp”. Ác này có tánh sanh ra bốn nẻo cho nên có duyên là có thể phát khởi ra. Như bùn, cây, ảnh tượng tuy có tướng bên ngoài nhưng không có “tánh sanh” ở bên trong thì sanh không thể sanh ra. Tánh ác thì không như vậy cho nên nói Tánh “như vậy. Thể Như vậy, tức bốn nẻo ác này nắm giữ lấy cái sắc tâm đã bị phá hoại kia để lấy làm thể chất. Lại nữa, đời này trước đó đã phá hoại tâm đời sau cũng phá hoại sắc. Lại nữa đời này nhân báo cũng phá hoại sắc tâm nên quả báo đời sau cũng phá hoại sắc tâm cho nên lấy sắc tâm bị phá hoại làm thể. Lực “Như vậy” tức là công dụng ác. Ví như một vật nhỏ tuy chưa được sử dụng nhưng cũng chỉ ra chỗ hữu ích mà nói “vật nhỏ ấy có công dụng”. Đại kinh nói “như làm nhà, chọn lấy cây mà không chọn lấy chỉ sợi (vải vóc), làm màn che chọn lấy vải vóc không chọn lấy bùn đất và cây. Địa ngục có dụng của việc bước lên đao lên kiếm, ngạ quỷ thì có dụng của việc ăn uống đồng sắt, súc sanh thì bị mạnh hiếp yếu, loài có vảy như cá v.v... thì tướng trạng hôi tanh loài kéo xe vác nặng v.v... tất cả đều là lực dụng xấu ác. Tác “Như vậy”: tức là cấu tạo nên ba nghiệp vận chuyển để Kiến lập các điều ác, thì gọi nghiệp đó là Tác. Đại kinh quyển thứ tám nói “Ví như người làm việc ác ở thế gian, gọi là phân nửa con người thôi. Đã hành ác hạnh, thì gọi là tác nghiệp địa ngục. Nhân Như vậy tức là nhân huân tập xấu ác. Do chủng loại riêng nó huân tập tương sanh phát triển liên tục không dứt khiến hành động ác dễ hình thành cho nên nói nhân như vậy, Duyên



Như vậy tức là duyên hỗ trợ Nghĩa là các ác và các suy lường, tính toán của Ngã và ngã sở vốn có đều có thể hỗ trợ để hình thành tập nghiệp. Như nước có khả năng làm thấm nhuần các hạt giống cho nên dùng báo nhân làm duyên. Quả Như vậy tức là tập quả. Như người nhiều ham muốn thì phải thọ nhận thân ở địa ngục, thấy các cực hình khổ cho là cảnh dục bèn khởi tâm ái nhiễm nên gọi đó là tập quả. Báo Như vậy tức là báo quả. Như người nhiều tham dục ở trong địa ngục, khi tâm dấy lên hưởng đến cảnh dục tức thời thọ nhận khổ ôm cột đồng và nằm giường sắt cho nên gọi là Báo Như vậy. Bản, mặt, cứu kính v.v... tức có ba nghĩa. Do bản “không”, mặt cũng “không” cho nên nói bình đẳng. Lại nữa, quả báo ác ở tại bản tánh, tướng thì mặt này cùng bản bình đẳng là bản tánh, tướng; tức là ở trong quả báo ác, bản này cùng mặt bình đẳng. Nếu tướng trước không có thì sự việc sau, Thầy tướng không phải dự đoán. Nếu sau không có thì sự việc trước Thầy tướng không phải truy tìm. Nên biết tướng trước sau ở đây nhờ sự mà luận v.v... Nhưng tâm của lý thực tướng trung đạo thì cùng với Phật quả không khác nên một sắc, một hương không gì không phải trung đạo. Đây là xét theo Lý mà luận. Vì nghĩa này cho nên nói “Bản mặt cứu kính v.v...”. Do đầy đủ ba nghĩa cho nên nói đẳng (v.v...).

Kế đến nói về mười pháp thuộc cảnh giới trời và người. Ở đây chỉ xét theo phương diện thiện, lạc để nói, khác với bốn nẻo trước. Tướng là biểu lộ sự thăng tiến dần đến thanh tịnh. Tánh là bạch pháp. Thể là sắc tâm an lạc, Lực là có thể làm Thiện pháp khí, Tác là tạo ra hai thiện của hành và chí, Nhân là nghiệp thiện, Duyên là các tính toán suy lường thiện của ngã và ngã sở vốn có, Quả là đáp trả Thiện tâm mà tự tại sanh ra, Báo là tự nhiên thọ nhận an vui, Đẳng (v.v...) là như trước đã nói v.v...

Tiếp đến, nêu ra mười pháp thuộc pháp giới của Nhị thừa tức căn cứ trên phương diện vô lậu chơn thật. Tướng là biểu hiện tướng Niết-bàn. Tánh là chẳng phải thiện cũng chẳng phải ác, Thể là năm phần Pháp thân, Lực là khả năng động, khả năng xuất, và có thể đảm nhận làm Đạo khí, Tác là chuyên cần nỗ lực tinh tấn, Nhân là chánh trí vô lậu, Duyên là thực hành các hạnh trợ đạo, Quả là bốn quả Thanh-văn. Hàng Nhị thừa đã không còn sanh cho nên không có báo thì có gì phát khởi chơn thật là quả mà không luận về báo? Pháp vô lậu khởi lên sự đáp trả ở nơi tập nhân, đạt được tập quả vô lậu thì tổn giảm sanh, chẳng phải pháp lệ thuộc sanh ra cho nên không có báo sau. Tam quả có báo tức còn. Tư hoặc chưa đoạn nên hoặc chịu bảy lần sanh, hoặc một lần



sinh, hoặc sinh ở sắc giới chứ chẳng phải báo vô lậu cho nên chỉ có chín pháp giới mà không phải mười pháp giới. Nếu căn cứ theo Đại thừa thì vô lậu này còn gọi là hữu lậu. Đại kinh nói: “Phước đức trang nghiêm tức là hữu vi hữu lậu, Tăng Thanh-văn này đã chẳng phải vô lậu, không thể làm giảm mất Biệt hoặc, vẫn còn thọ nhận sự sanh của Biến dịch, tức lấy vô lậu làm nhân và vô minh làm duyên, sanh vào trong cõi biến dịch tức liền có báo.

Cuối cùng nói rõ mười pháp của Bồ-tát và Phật. Đây lại chia nhỏ ra làm ba hạng Bồ-tát:

1. Nếu Bồ-tát hành sáu pháp lục độ thì ước định theo phước đức mà luận về tướng, tánh, thể, lực, thiện nghiệp làm nhân, phiền não làm duyên, ba mươi bốn tâm đoạn trừ kiết làm quả, Phật thì không có báo, Bồ-tát này tức có đủ mười cảnh giới.

2. Nếu Bồ-tát của Thông giáo thì ước định theo vô lậu mà luận về tánh, tướng, sáu Địa về trước còn Tư hoặc mà thọ nhận báo, hết Tư hoặc thì không thọ nhận Báo thân sau; vì thế nguyện giúp chúng sanh nên tích tập sanh chẳng phải nghiệp báo thật sự, và chỉ có chín pháp giới mà không đủ mười pháp giới.

3. Nếu Bồ-tát của Biệt giáo thì ước định theo tu Trung đạo, thứ tự Quán chiếu mà luận về mười pháp giới. Người này tuy đoạn hết Thông hoặc và tự biết có sanh nên đầy đủ mười pháp giới v.v... Hễ còn sanh trong Biến dịch thì có ba loại không đồng: 1. Hoàn toàn chưa đoạn trừ Biệt hoặc mà sanh trong biến dịch tức là Nhị thừa thuộc Tam Tạng giáo và Tam thừa thuộc Thông giáo. Giống như Phần đoạn Bạc địa phạm phu không thể hàng phục Kiến, Tư hoặc v.v...; 2. Hàng phục Biệt hoặc sanh trong Biến dịch tức là hạng người thuộc ba mươi tâm của Biệt giáo tuy có tu tập ở Trung đạo để hàng phục mà chưa đoạn hết. Tương tự như đạo phương tiện của phần đoạn Tiểu thừa v.v...; 3. Đoạn trừ Biệt hoặc sanh trong Biến dịch tức là hạng Sơ trụ, Sơ địa Bồ-tát đoạn hoặc chướng v.v... đại loại cũng như Sơ quả tuy đã đoạn hoặc thấy đế nhưng vẫn còn bảy lần sanh tử, hạng Bồ-tát này cũng lại như vậy. Nếu chưa đoạn trừ và hàng phục mà sanh thì dùng phương tiện hành chơn vô lậu làm nhân, vô minh làm duyên. Nếu đoạn trừ và hàng phục rồi thì thuận theo sự ái kính đạo pháp làm nhân, còn vô minh làm duyên sanh ở cõi Biến dịch v.v...

Mười pháp của Phật đều ước định theo Trung đạo mà phân biệt. Kinh Tịnh Danh nói “tất cả chúng sanh đều là tướng Bồ-đề mà không thể đạt được lại”. Đây tức nói duyên nhân làm tướng Phật. Tánh căn cứ

vào bên trong tức trí nguyện vẫn tồn tại không mất. Trí tức lấy “liễu nhân” làm Phật tánh. Tự tánh của tâm thanh tịnh tức là “Chánh nhân” làm thể của Phật. Như vậy điều này tức là ba quy tắc v.v... Lực là người mới phát tâm Bồ-đề siêu vượt lên trên hàng Nhị thừa nên gọi là lực. Tác tức là thực hiện bốn hồng thệ nguyện làm cơ sở của kỳ hạn. Nhân là trí tuệ trang nghiêm. Duyên là phước đức trang nghiêm. Quả tức ngay một niệm tương ứng với bậc Đại giác, sáng suốt tự nhiên Vô thượng Bồ-đề làm tập quả. Báo tức là quả của Đại Bát Niết-bàn. Do quả, đoạn, đức, thiên định, Tam muội tất cả đều đầy đủ nên gọi là quả báo. Bản, mặt v.v... tức tướng, tánh thuộc ba đế cùng cứu kính ba đế không khác cho nên nói đẳng (v.v...). Nói “Không đế” bình đẳng tức là nguyên sơ chúng sanh đều “như”, cho đến Phật “như” đều bằng nhau. Nói Tục đế bình đẳng tức là nói chúng sanh chưa phát tâm, Phật thọ ký cho sẽ làm Phật. Phật đã phát tâm, đã thành Phật rồi, tức nói đến “bổn sanh” và “bổn sự” của Phật. Đây có nghĩa tướng trước sau hiện có tạm thời (giả) bình đẳng. Trung đạo bình đẳng tức chỉ cho phàm và Thánh đều có Thật tướng. Xét theo Phật giới cũng có chín pháp giới, cũng có mười pháp giới. Nếu căn cứ vào sự thông suốt các cõi mà nói thì từng địa vị đều có vạn hạnh, đều là phước đức làm nhân, vô minh làm duyên, tập quả và báo quả tùy phần mà là ước mười pháp, không địa vị nào không đầy đủ. Kinh này nói “Đạt được quả báo vô lậu vô lượng thanh tịnh thì bậc pháp vương ở trong pháp phải tu hành phạm hạnh từ lâu xa. Xưa kia đối với ngày nay mới được quả báo ấy”. Lại nói “nhờ chỗ tu tập nghiệp lâu xa mới đạt được”. Đại kinh nói “Con nay hiến cúng thức ăn nguyện được quả báo vô thượng”. Kinh Nhơn vương nói “Ba Hiền, bốn Thánh đều trụ ở quả báo” Nhiếp Đại thừa nói “nhân duyên sanh tử nên có sanh tử sau này” tất cả đều là luận về quả báo. Quả báo tức là sanh diệt, vì sao? Vì phần vô minh hết cho nên nói là diệt; chơn minh chuyển biến mạnh lên cho nên nói là sanh. Lại nữa, tàn dư vô minh còn sót lại cho nên nói là sanh, một phần hoặc chướng bị trừ diệt cho nên nói là “diệt” Đại Luận nói “một người có khả năng làm sạch cỏ phiền não và một người có khả năng gieo hạt, vạn hạnh giúp nhau thành tựu như trồng. Trí tuệ phá trừ hoặc chướng cũng như việc làm sạch cỏ (phiền não) vậy”. Nếu xét theo quả Diệu Giác thì cũng có chín pháp giới, cũng có mười pháp giới, vì sao? Vì trí tuệ của Trung đạo chính là tổn giảm sanh. Vì sanh đã chưa hết nên có các địa sanh diệt không đồng. Nghĩa Diệu giác làm tổn giảm sanh đã đủ, thân rốt sau cùng sao được luận báo! Do vậy nói: “Chỉ có Phật an trú ở Tịnh Độ nên ba mươi thứ sanh đã hoàn

toàn tâm diệt mà trở thành Đại Giác, không có sanh tử thuộc phần thân sau, phiền não đã dứt sạch. Do trí đức đã viên mãn nên không còn “quả tập” sau nữa. Cũng do không còn thọ thân đời sau cho nên không có quả báo”. Vả lại, căn cứ ở sau đời hiện tại mà luận có chín hoặc mười pháp giới v.v... Nếu y theo văn kinh Niết-bàn thì nguyện được báo vô thượng tức nói rõ báo Vô Thượng thuộc cảnh giới của Phật. Báo của Phật đã vô thượng thì chín pháp thuộc tánh, tướng v.v... của Phật hết thấy đều Vô thượng. Vì sao? Vì tánh tướng của sáu đường hoàn toàn biểu hiện ở năm trụ; tánh, tướng của hàng Nhị thừa biểu hiện hoàn toàn ở vô minh và phá bốn trụ, tánh, tướng của Bồ-tát biểu hiện thứ tự ở việc phá trừ năm trụ; tánh tướng của Phật biểu hiện ở Nhất thiết chủng trí, thanh tịnh giống như hư không, không bị năm trụ làm ô nhiễm, cho nên mười pháp của Phật là vô thượng nhất v.v... Lại nữa tướng của sáu thú biểu hiện tương trạng khổ của sanh tử; tướng của hàng Nhị thừa biểu hiện trạng thái an vui của Niết-bàn; tướng cảnh giới Phật biểu hiện tướng “chẳng phải sanh tử chẳng phải Niết-bàn”. Do cảnh giới Phật luôn là Trung đạo, thường, lạc, ngã, tịnh cho nên nói cảnh giới của Phật là vô thượng nhất. Lại nữa bốn đường biểu hiện tướng ác; trời người biểu hiện tướng thiện, hàng Nhị thừa biểu hiện thiện vô lậu, hàng Bồ-tát và Phật biểu hiện tướng chẳng phải thiện vô lậu và hữu lậu cho nên cảnh giới của Phật là vô thượng nhất. Lại nữa sáu đường biểu hiện các cõi với pháp nhân duyên sanh, hàng Nhị thừa biểu hiện tướng “tức không” Bồ-tát biểu hiện tướng “tức Giả”, Phật biểu hiện tướng “tức không, tức Giả, tức Trung đạo” cho nên cảnh giới của Phật là vô thượng nhất. Lại nữa, bốn nẻo chỉ biểu hiện điều ác mà không thể biểu hiện điều thiện, trời và người chỉ biểu hiện điều thiện mà không biểu hiện điều ác, hàng Nhị thừa chỉ biểu hiện vô lậu mà không biểu hiện kiêm luôn thiện và ác, còn tướng của Phật biểu hiện kiêm luôn tất cả tướng. Nếu hiểu được tướng của Phật tức là biến khắp tức hiểu được tất cả tướng, cho nên cảnh giới của Phật là vô thượng nhất. Do đó Tập Hiền Thánh nói “Thân trung ấm trong địa ngục chỉ thấy địa ngục mà không thấy được cõi trên mình. Thân trung ấm ở cõi trời có thể biết được cõi trời và cõi dưới nhưng không thể gọi tướng biểu hiện ấy là “Chánh biến tri”. Chỉ có tướng của Phật mới biểu hiện “Chánh biến tri”. Nên biết, trí tuệ của Phật đã biết khắp các tướng mà trong kinh giáo cũng đã nói nhiều về điều đó. Nếu dùng pháp này trải qua năm vị giáo tức là được trình bày như sau: Căn cứ vào “Nhũ giáo” mà nói thì tánh tướng thuộc hai cảnh giới của Phật và Bồ-tát hoặc hội nhập lý “tức Giả bình đẳng” hoặc hội

nhập “tức Trung đạo bình đẳng”. Nếu nhập vào trung đạo mới là vô thượng, nhưng Bồ-tát còn “đeo mang” một phương tiện thì chưa hoàn toàn vô thượng. Nếu căn cứ vào Lạc giáo thì chỉ nêu ra tánh tướng của hàng Nhị thừa được nhập vào lý “phân tích không bình đẳng” còn không thể nhập vào “tức không bình đẳng” huống hồ là lý khác. Do đó, chẳng phải vô thượng. Căn cứ vào Sanh Tô giáo thì nêu ra bốn loại tướng tánh tức hoặc nhập vào sự “phân tích không bình đẳng” hoặc nhập vào “tức không bình đẳng”, hoặc nhập vào “tức Giả bình đẳng”, hoặc nhập vào “tức Trung đạo bình đẳng” và chỉ có tánh tướng của Phật mới có thể hội nhập “tức không, tức Giả, tức Trung đạo”. Tuy nhiên nếu còn vướng vào ba phương tiện thì chẳng phải là vô thượng. Căn cứ vào “Thực Tô giáo” thì chỉ nêu ra ba loại tánh tướng: Hoặc nhập vào “tức không” hoặc nhập vào “tức Giả” hoặc nhập vào “tức Trung đạo” và chỉ có tánh tướng của Phật mới đạt đến hội nhập “tức không, tức Giả, tức Trung đạo”. Tuy nhiên do còn vướng vào hai phương tiện cho nên chẳng phải vô thượng. Kinh Pháp Hoa này, nói rõ chín thứ tánh, tướng đều nhập vào “tức không, tức Giả, tức Trung đạo”. “Nó thiệt là con ta, ta thiệt là cha nó” tức một sắc một vị thuần nhất là Phật pháp chứ không có pháp nào khác; cho nên biết cảnh giới của Phật là vô thượng nhất. Hơn nữa, kinh khác nói rõ chín thứ tánh tướng mà không được hội nhập vào “tánh tướng của Phật tức không tức Giả tức Trung đạo” chỉ có kinh này đều khai mở phương tiện, rộng khắp khiến chúng sanh đều được đi vào. Hoặc lại các kinh có căn cứ vào tánh tướng ấy chính là “tức không, tức Giả, tức Trung đạo” mà không thể luận về sự dẫn nhập. Do đó, Như Lai ân cần khen ngợi kinh Pháp Hoa này là tối ưu, là vô thượng. Ý chính ở tại đây. Vả lại, hàng trăm cảnh giới, hàng ngàn pháp môn rất nhiều nên nay dùng kệ của Kinh, Luận để tổng kết ý trên, khiến người đọc dễ hiểu. Kệ trong Luận Trung Quán nói: “Pháp do nhân duyên sanh, ta nói đó là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa trung đạo”. Tánh tướng của sáu đường chính là pháp do nhân duyên sanh. Tánh tướng của hàng Nhị thừa và Bồ-tát của Thông giáo thì “ta nói đó là không”. Tánh tướng của Bồ-tát thuộc sáu độ của Biệt giáo tức “cũng gọi là giả danh”. Tánh tướng của cảnh giới Phật chính là “cũng gọi nghĩa trung đạo”. Kệ này tổng kết ý chính tuy ít lời mà thu nhiếp được nhiều nghĩa trước đó, có thể thấy rõ v.v...

Lại nữa kệ trong kinh Niết-bàn nói “các hành vô thường là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”. Như vậy tánh tướng của sáu đường tức là các hành, tánh tướng của hàng Nhị thừa thuộc Thông

giáo tức là vô thường. Tánh tướng của Bồ-tát thuộc Biệt giáo tức là “sinh diệt diệt rồi”. Tánh tướng thuộc cảnh giới Phật chính là “tịch diệt là vui”. Lại nữa “sinh diệt diệt rồi tịch diệt là vui” tức nói lên tánh tướng của Biệt giáo nghĩa là ở ngay nơi sinh diệt vẫn có được sự tịch diệt chứ không đợi đến khi tịch diệt mới có niềm vui. Đây tức cũng là thuộc tánh tướng của cảnh giới Phật và Viên giáo v.v... Lại nữa kệ ở trong Thất Phật Thông Giới nói “chớ làm các điều ác, nên làm các điều lành, giữ tâm ý trong sạch, ấy lời chư Phật dạy”. Như vậy tánh tướng của bốn nẻo tức là “các điều ác”. Tánh tướng của cõi trời và người là các điều lành. “Giữ tâm ý trong sạch” nghĩa là có phân tích thể làm thanh tịnh ý thì thuộc tánh tướng của hàng Nhị thừa; nếu hội nhập giả làm thanh tịnh ý là tánh tướng của hàng Bồ-tát, nếu hội nhập Trung đạo làm thanh tịnh ý là tánh tướng thuộc cảnh giới của Phật v.v... Nếu hiểu được mười thứ tánh tướng phù hợp với các kinh, luật, luận tức hiểu thông suốt Tam Tạng, Thông và Biệt giáo, biết tất cả pháp không có chướng ngại. Đến đây đã hoàn tất việc trình bày rõ pháp của chúng sanh.

Tiếp theo là rộng nói rõ pháp của Phật. Chẳng lẽ Phật có pháp riêng biệt? Chỉ vì trăm giới, ngàn Như chính là cảnh giới Phật, nhưng chỉ có Phật cùng Phật mới hoàn toàn hiểu được lý ấy. Cũng như cái hòm (rương) lớn thì nắp đậy cũng phải lớn theo. Vì trí Phật vô biên nên chiếu khắp cảnh giới Phật cũng rộng lớn cho đến sâu thẳm tột cùng, đó gọi là pháp “tùy theo ý mình”. Nếu trí tuệ chiếu đến tánh tướng của chín pháp giới, thì thấy rõ từ đầu đến cuối một mảy may không bỏ sót gọi là pháp “tùy ý người khác”. Từ nơi hai pháp bản (bắt đầu) hiện ra tích (dấu vết) ở mười cảnh giới hoặc thị hiện thân mình hoặc thị hiện thân giới khác, hoặc diễn đạt nói theo ý mình, theo ý chúng sanh (tha), cả hai ý thật không thể nghĩ bàn, thân mình và thân giới khác vi diệu, tuyệt cùng tịch diệt, đều chẳng phải là quyền, chẳng phải là thật nhưng có khả năng tương ứng quyền của chín cảnh giới và thật của một cảnh giới, mà đối với Phật pháp không hề có sự tổn giảm. Pháp của Phật như vậy há không thể vi diệu sao? Điều này có thể biết rõ không cần phải mất công nói nhiều. Hơn nữa, đến trong phẩm Phương Tiện sẽ trình bày rõ thêm.

Tiếp theo, rộng giải thích pháp của Tâm: Như trước đã nói rõ pháp, há có thể khác với tâm? Tuy nhiên pháp chúng sanh rộng lớn, pháp Phật cao xa nên đối với người mới học đạo rất khó nhận biết. Nhưng vì Tâm, Phật và Chúng sanh ba thứ không có sai biệt nên chỉ có tự quán xét tâm mình mới dễ dàng thôi. Kinh Niết-bàn nói “Tất cả

chúng sanh đều đầy đủ ba định. Thượng định tức là Phật tánh. Có thể Quán chiếu tâm tánh thì gọi là “thượng định. Thượng định có khả năng kiêm luôn hạ định tức thu nhiếp được pháp của chúng sanh”. Kinh Hoa Nghiêm nói “tâm chu du khắp pháp giới như hư không tức biết cảnh giới của chư Phật. Pháp giới tức là Trung đạo, hư không tức là Không, tâm và Phật tức Giả. Nếu đầy đủ ba loại này tức là cảnh giới của Phật. Đây là quán tâm nhưng đều đầy đủ pháp của Phật. Lại nữa, đem tâm đi khắp pháp giới tức Quán chiếu căn và trần tương đối trong một niệm tâm khởi. Ở trong mười giới hẳn thuộc một giới. Nếu thuộc về một giới tức đầy đủ trăm giới, ngàn pháp thì ở trong một niệm cũng đầy đủ tất cả pháp giới. Tâm này như Huyền sự suốt ngày đêm thường tạo ra nhiều thứ chúng sanh, nhiều loại năm ấm, nhiều cõi nước, như gọi là cõi nước thật và giả của địa ngục cho đến cõi nước thật và giả thuộc cảnh giới của Phật. Người hành tâm nên chọn lựa con đường nào phù hợp đáng theo! Lại nữa như hư không tức là Quán chiếu tâm tự sanh tâm chứ không phải nhờ vào duyên. Nếu nhờ vào duyên mà có tâm thì tâm không có lực sanh. Nếu tâm không có lực sanh thì duyên cũng không có sanh. Tâm và duyên đều không hợp thì sao gọi là có? Hợp còn không thể được thì “ly tức” không sanh, vốn không có một lần sanh huống hồ có trăm cõi, ngàn pháp! Vì tâm “không” cho nên tất cả những gì tâm sanh khởi đều “không”. Và “không” này cũng “không”. Nếu “không” chẳng phải “không” thì chỉ rõ “không thiết lập “giả” và “giả” cũng chẳng phải “giả”. Nếu không có “giả” không có “không” thì tất cả đều trở nên thanh tịnh. Lại nữa cảnh giới của Phật tức là pháp thượng đẳng của Phật bao hàm cả pháp hạ đẳng của chúng sanh. Lại nữa pháp của tâm là tâm, Phật và chúng sanh vốn không có sai biệt đó gọi là pháp của tâm. Hỏi: Một niệm tâm sao gọi là hàm chứa thọ nhận trăm cõi và ngàn pháp? Đáp” do nhờ ba thứ làm thí dụ như trong “Chỉ, Quán” nói v.v... Nói về chữ Diệu tức bao gồm có hai phần: Giải thích chung và giải thích riêng biệt. Lại nữa trong phần giải thích tổng quát được phân làm hai tức là: Đối đãi nhau và dứt đối đãi. Kinh này chỉ luận về hai thứ vi diệu, lại không có văn nào nói không phải dứt đối đãi, không phải đối đãi. Nếu làm giải thích thêm nữa, thì để dứt nghi hoặc nào, hiển bày lý nào? Cho nên không luận thêm nữa. Ngài Quang Trạch dùng chữ Diệu trong Pháp Hoa đối với các giáo trước cho là thô, phần lớn còn có chỗ trở ngại như vấn nạn trước v.v... Nay sự đối đãi của thô và diệu tức dùng chữ “phân nửa” (bán) thì gọi là thô còn dùng chữ “đầy đủ” (mãn) thì gọi là diệu. Cũng là tương đối đãi: Thường, vô thường, Đại



thừa, Tiểu thừa làm “thô” và diệu. Tịnh Danh nói thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không có. Vì nhân duyên cho nên các pháp sanh tức là nói chữ “đầy đủ”. Xưa kia đức Phật ngồi ở đạo tràng dùng lực hàng phục ma binh đạt được cam lộ diệt, và thành tựu đạo quả tức nêu ra xưa kia chỉ có chữ “phân nửa” đợi xuất sanh chữ “đầy đủ”. Kinh Niết-bàn nói “ở trong cõi Diêm phù đề thấy chuyển luân thứ hai tức cũng là tương hợp với việc ở tại Lộc Uyển chuyển pháp luân thứ nhất đối đãi với thời Bát-nhã thứ hai” Kinh Niết-bàn lại nói “Xưa ở thành Ba-la-nại, ban đầu chuyển pháp luân, nay ở Thi thành (Câu Thi Na) lại chuyển pháp luân”. Các kinh thì đều lấy vườn Lộc Uyển làm chữ “phân nửa”, Tiểu thừa và thô sơ đối đãi với ở đây nói rõ đầy đủ, Đại thừa và vi diệu, các nghĩa đó thì đều giống nhau. Nay kinh Pháp Hoa nói “Xưa ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân Tứ đế nêu ra sự sanh diệt của năm chúng, Nay lại chuyển pháp luân rất vi diệu và vô thượng”. Đây cũng là đối với vườn Lộc Uyển là nói rõ pháp thô còn Pháp Hoa là vi diệu. Như vậy nghĩa vi diệu đều đồng, đối đãi với thô cũng như vậy. Văn nghĩa vốn hình thành nêu ở chỗ này.

Hỏi: Đồng thời Phương đẳng đến Lý viên mãn hiện nay (Pháp Hoa) không có sai khác, đều phải gọi là diệu chăng?

Đáp: Nay cũng không căn cứ vào giáo mà quyết định thời gian thì sao bỗng nhiên nói đồng thời Phương Đẳng! Vì dù có khiến trở nên như vậy tất phải có nguyên do riêng, vì sao? Vì Bồ-tát lợi căn ở Phương Đẳng lãnh hội diệu cùng với Pháp Hoa không khác, Bồ-tát độn căn và hàng Nhị thừa do còn bám víu vào các vị điều phục của phương tiện. Phương Đẳng do còn bám víu vào vị Sanh tô giáo luận về diệu lấy đó đối đãi thô, Bát-nhã do bám víu vào Thực tô giáo nên luận về sự nên còn đối đãi với thô. Nay kinh nói rõ không có hai vị phương tiện ấy thuần là vị Đề hồ giáo chơn thật nên luận về diệu lấy đó đối đãi với thô pháp. Do đó sự vi diệu này đứng trên mặt nghĩa lý thì không có gì sai khác nhưng vì bám vào phương tiện hoặc không bám vào phương tiện mà có sự sai khác. Lại nữa, Tam Tạng giáo chỉ nói đến chữ phân nửa tức “sanh diệt môn” mà không thể thông suốt lý chữ đầy đủ nên gọi là thô. Chữ “đầy đủ” tức pháp môn “không sanh không diệt” có khả năng thông suốt lý đầy nên gọi là Diệu. Việc có khả năng thông suốt lý đầy đủ lại có hai thứ: 1. Gánh vác phương tiện để thông suốt lý đầy đủ; 2. Trực tiếp hiển bày lý đầy đủ. Phương Đẳng và Bát-nhã chính là gánh vác phương tiện để thông suốt lý đầy đủ. Nay kinh này chính là nêu ra việc trực tiếp hiển bày lý đầy đủ. Do vậy Trung Luận nói “vì các đệ tử



độn căn mà nói tướng sanh diệt của nhân duyên, vì các đệ tử lợi căn mà nói tướng không sanh không diệt của nhân duyên v.v...” Kệ Trung Luận nói: Nếu không thể tức không làm thông suốt phương tiện chơn thật, thì gọi là thô. Nếu có thể “tức không” thì thông suốt phương tiện Trung đạo. Nếu gánh vác việc thông suốt phương tiện trung đạo “tức không, tức Giả” là thô còn không có gánh vác “không, giả” của việc thông suốt trung đạo thì gọi là diệu v.v...

Hỏi: Từ Nhũ giáo đến Đề hồ giáo đều gọi là viên mãn thì thí dụ như thế nào?

Đáp: Nay lấy thí dụ để giải thích thí dụ. Như vị quan có ba chiếc thuyền và dùng thuyền riêng để đưa người từ bờ bên này sang bờ bên kia. Nhũ giáo như hai thuyền lớn và vừa cũng đưa người qua bờ bên kia. Lạc giáo thì như thuyền riêng chỉ đưa người đến giữa dòng. Sanh tô giáo thì gồm bốn loại thuyền: Thuyền nhỏ với thuyền riêng đưa người qua giữa dòng và hai loại thuyền bậc vừa và lớn đưa người qua bờ bên kia. Thục tô giáo thì như ba loại thuyền: Một loại đưa người qua giữa dòng và hai loại đưa người qua bờ bên kia. Đề hồ giáo thì giống như thuyền lớn đưa người qua bờ bên kia. Do ba loại thuyền đồng là vật của quan cho nên đều gọi là đầy đủ. Thuyền riêng chẳng phải là vật của quan cho nên nói “một nửa”. Trong hai thứ thuyền thuộc vật của quan thì chỗ dung chứa của thuyền nhỏ ít hơn còn chỗ vận chuyển của thuyền lớn thì nhiều hơn gấp nhiều lần. Do đó nên thuyền lớn được gọi là diệu. Người trí nương vào thí dụ ấy mà được hiểu rõ nghĩa lý như vậy v.v...

Nói đến sự tuyệt dứt đối đãi tức nêu ra sự vi diệu và được chia làm bốn phần: 1. Tùy vào tình huống khởi lên của ba pháp giả hợp: Nếu nhập vào Chơn đế thì đối đãi tức liền tuyệt dứt. Thân tử nói “Ta nghe trong đạo giải thoát không có ngôn ngữ”. Đây tức là ý bật dứt đối đãi trong ba tạng kinh; 2. Nếu tùy lý và ba pháp giả hợp thì tất cả thế gian đều như huyễn hóa, ngay nơi sự mà là chơn, không có một sự nào mà chẳng phải chơn thật, thì còn đối đãi với vật gì gọi là không chơn thật? So với Tam Tạng giáo kia là tuyệt mà trở lại thành không tuyệt, đây tức sự mà chơn mới là tuyệt dứt đối đãi. Đây là quan điểm tuyệt dứt đối đãi của Thông giáo; 3. Theo Biệt giáo thì nếu khởi lên quan điểm tuyệt dứt lý “tức Chơn” thì trở lại thành Thế đế, những pháp nào không phải Đại Niết-bàn, tức vẫn còn sanh tử, nếu tuyệt dứt Thế đế lại trở thành có đối đãi. Nếu đi vào Trung đạo của Biệt giáo thì đối đãi đều bật dứt; 4. Theo Viên giáo thì nếu khởi nói “pháp không có phân biệt” thì ngay nơi các biên mà chính có Trung đạo, không gì không phải Phật pháp, đã

tuyệt không có gì thanh tịnh, lẽ nào còn có Phật pháp đối đãi với Phật pháp ư! Pháp giới của Như Lai vốn vượt ra ngoài pháp giới, không thể lại có pháp có thể dùng hình tướng so sánh; vậy thì đối đãi tướng gì làm thô, hình thái thế nào được diệu! Đã không có gì đối đãi cũng không có gì tuyệt dứt thì không biết gọi thế nào nên gượng nói là tuyệt. Đại kinh nói “Tên Đại là không thể đo lường, không thể nghĩ bàn nên gọi là Đại. Ví như hư không không thể vì hư không nhỏ ít mà gọi là đại (lớn). Niết-bàn cũng như vậy, không thể vì tướng nhỏ mà gọi là Đại Niết-bàn. Diệu cũng như vậy, tên gọi Diệu không thể nghĩ bàn, không thể vì đối với thô mà gọi là Diệu. Nếu cho rằng nhất định có pháp giới rộng lớn độc nhất tuyệt cùng thì đây tuy là lớn mà còn có sở hữu đâu thế gọi là tuyệt?! Như vậy, Diệu nay chính là pháp giới thanh tịnh chẳng phải thấy, nghe, hiểu, biết, không thể nói và chỉ ra. Văn kinh nói “thôi, thôi không nên nói nữa, vì pháp của ta vi diệu khó suy nghĩ”. “Thôi thôi không nên nói nữa” tức là lời tuyệt dứt nói năng. “Pháp vi diệu của ta khó nghĩ” tức là tuyệt dứt tư duy. Văn kinh lại nói “pháp ấy không thể chỉ ra; tướng ngôn từ tịch diệt” cũng chính là văn tuyệt dứt sự ngợi khen, không thể dùng sự đối đãi để chỉ ra, không thể dùng tuyệt dứt đối đãi chỉ ra, diệt mất đối đãi diệt mất tuyệt dứt đối đãi nên nói là tịch diệt. Lại nói tướng của tất cả các pháp thường vắng lặng, rốt cuộc quy về không. Không này cũng rỗng không tức không còn đối đãi và tuyệt dứt. Trung Luận nói “nếu pháp do đối đãi mà thành tựu thì pháp ấy lại trở nên đối đãi. Nay vì không có nhân, đối đãi cũng không có chỗ thành tựu. Pháp Hoa nói “đã được pháp vô sanh nhĩ cũng không sanh vô sanh”. Vô sanh tức là không có sanh cho nên gọi tuyệt dứt không đối đãi”. Đã vượt ra ngoài điều này, nếu lại tạo luận thì tuyệt vật gì, hiển bày lý gì!? Nếu bàn luận mênh mêng vô cùng thì rơi vào hý luận, bèn trở thành mê tình phân biệt, có tuyệt đối đãi, không thể tuyệt đối đãi, chẳng phải tuyệt, chẳng phải đối đãi tức đối đãi cũng là đối đãi cũng là tuyệt, ngôn ngữ lôi kéo nhau như thế đến vô cùng vĩnh viễn không dứt. Những gì là ngôn ngữ sanh ra từ giác quán, thì tâm lo nghĩ không ngừng, ngôn ngữ luận bàn do đâu mà tuyệt dứt! Như con chó ngu si đuổi theo hòn đá, chỉ phí sức mình mệt nhọc với hòn đá rốt cục không thể tuyệt dứt. Nếu có khả năng diệu ngộ trong cõi mênh mêng dừng gió giác quán thì nước tâm trở nên lắng trong ngôn ngữ, tư duy đều bật dứt. Như con sư tử thông minh bỏ hòn đá đuổi theo người thì hòn đá vốn đã trừ bỏ, hòn đá ấy tức tuyệt nhiên không có. Khi ngộ được lý vi diệu, biết thấu suốt ngoài pháp giới không có pháp mà luận tuyệt dứt thì dựa trên pháp môn có để nói rõ

lý tuyệt dứt. Tuyệt này cũng tuyệt thì dựa theo pháp môn “không” để nói rõ tuyệt. Như ngựa chạy nhanh thấy bóng roi không gì không được đi vào đường đúng. Đây gọi là Diệu tuyệt đối đãi. Dùng hai thứ vi diệu này đối với ba pháp ở trên thì pháp của chúng sanh cũng đầy đủ hai thứ vi diệu ấy nên gọi đó là diệu. Pháp của Phật, của tâm cũng đủ hai thứ vi diệu nên lấy đó làm diệu. Nếu dùng bốn thứ tuyệt đãi ở trên ước định năm vị Kinh thì Nhũ giáo có hai tuyệt, Lạc giáo có một tuyệt, Sanh Tô giáo có bốn tuyệt. Thục Tô giáo có ba tuyệt. Kinh này chỉ có một tuyệt. Nếu khai mở tuyệt của quyền trí thì không gì không đi vào một thứ tuyệt diệu. Hỏi: Tại sao lại lấy chữ “tuyệt” để giải thích chữ diệu. Đáp: Nói tuyệt làm diệu là vì tuyệt chính là tên khác của diệu, cũng như người đời xưng tụng là tuyệt năng. Lại nữa diệu là “năng tuyệt” còn thô là “sở tuyệt”. Diệu này có công năng của tuyệt dứt thô cho nên nêu ra chữ “tuyệt” để gọi tên là diệu. Như trong Tích trước hết lập giáo phương tiện, Đại giáo không được khởi, nay Đại giáo nếu khởi lên thì phương tiện giáo tuyệt dứt; đem sở tuyệt để đặt tên ở diệu đó thôi. Lại nữa, Đại giáo trong Tích đã phát khởi, Đại giáo thuộc Bản địa không thể hưng khởi. Nay giáo Bản địa hưng khởi, Đại giáo trong Tích tức liền tuyệt dứt. Công dụng tuyệt dứt Đại ở Tích là do Bản địa. Đem sự tuyệt dứt Đại ở Tích đặt tên cho Đại ở Bản địa. Cho nên nói là Tuyệt. Lại nữa, giáo Đại của Bản địa nếu hưng khởi, thì diệu của Quán tâm không thể khởi được. Nay nhập vào quán duyên với tịch diệt, ngôn ngữ đoạn mất giáo Bản địa lập tức tuyệt dứt. Như vậy, tuyệt là do ở nơi quán đem tên gọi tuyệt này đặt tên ở quán diệu vì hiển bày nghĩa này cho nên lấy tuyệt làm diệu. Nay đem diệu của tuyệt diệu ở Tích phù hợp trên pháp của chúng sanh, diệu của tuyệt diệu ở Bản địa phù hợp trên pháp, của Phật, diệu của tuyệt diệu thuộc quán tâm phù hợp trên pháp của tâm. Bốn thứ tuyệt trước trên phạm vi Hoành, ước định theo bốn giáo. Nay ba thứ tuyệt trên phạm vi Thục ước định theo Viên giáo v.v...

- Riêng biệt giải thích chữ Diệu phân ra làm ba: Nếu ở vườn Lộc Uyển là ba pháp thô thì ở núi Linh Thứu là một Diệu, đều là Phật nói trong Tích (hiện tại)... Dựa trên Tích đó, mở ra mười lớp luận bàn về Diệu... Diệu này có Tích có Bốn. Bốn căn cứ ở nguyên sơ, diệu của Bốn nguyên sơ cũng làm mười lớp luận bàn về Diệu. Tích và Bốn cùng đều là giáo, nương vào giáo hành quán và quán lại có mười lớp luận bàn về Diệu. Trong “Tích môn” có sự vi diệu của pháp chúng sanh, pháp Phật, pháp tâm, mỗi mỗi đều có mười lớp hợp thành ba mươi lớp. Đây cùng với Diệu của các Kinh Luận có giống có khác vì ba mươi diệu trong Bản

môn cùng với các kinh hoàn toàn khác nhau. Sáu mươi lớp nghĩa này mỗi lớp lại có đối đãi diệu và tuyệt diệu tức có một trăm hai mươi lớp nghĩa. Nếu phá thô để hiển bày diệu tức dùng thứ vi diệu của tướng đối đãi ở trên. Nếu khai mở thô để hiển bày diệu tức dùng sự vi diệu của tuyệt dứt đối đãi ở trên v.v... Mười diệu trong Tích môn tức là: 1. Cảnh diệu; 2. Trí diệu; 3. Hành diệu; 4. Vị diệu; 5. Ba pháp diệu; 6. Cảm ứng diệu; 7. Thần thông diệu; 8. Thuyết pháp diệu; 9. Quyển thuộc diệu; 10. Công đức lợi ích diệu.

Việc giải thích mười thứ vi diệu được kết hợp với năm phần: 1. Nêu chương; 2. Dẫn chứng; 3. Sanh khởi; 4. Giải thích rộng; 5. Tổng kết Quyền và Thật.

Nêu chương: Sao gọi là cảnh diệu? Nghĩa là mười pháp như nhân duyên, Tứ đế, ba đế, hai đế và một đế v.v... Đây là thầy của chư Phật cho nên gọi là cảnh diệu. Trí diệu tức là hai mươi thứ trí: Bốn trí Bồ-đề được phân theo mỗi cấp bậc hạ, trung, thượng và thượng thượng, bảy thứ Thật trí và Quyền trí, năm và ba trí theo phân định, một Như thật trí. Vì cảnh vi diệu cho nên trí cũng tùy thuận vi diệu. Vì pháp thường hằng cho nên chư Phật cũng thường hằng. Cảnh và trí như nắp với rương tương xứng với nhau không thể nghĩ bàn nên gọi là Diệu trí. Hành diệu tức là sự tăng trưởng số hạnh: Gồm có năm hạnh thứ tự và năm hạnh không thứ tự. Do trí dẫn dắt hạnh cho nên nói là hành diệu. Vị diệu tức kinh nêu ra vị trí của ba loại cỏ, của hai loại cây và của một chơn thật. Do chỗ kết hợp của hạnh vi diệu cho nên nói là vị Diệu. Ba pháp vi diệu tức là tổng kết ba pháp, ba pháp trên phạm vi ngang, dọc, và ba pháp không ở giới hạn ngang dọc, giống như thông suốt ba pháp; đều là tạng bí mật cho nên gọi là diệu. Cảm ứng vi diệu tức là bốn câu cảm ứng, ba mươi sáu câu cảm ứng, hai mươi lăm câu cảm ứng cảm ứng riêng biệt và viên mãn. Nước không bốc lên trời, trăng không hạ xuống đất, chỉ một Trăng đồng lúc đều hiện khắp trong nước, chư Phật không đến, chúng sanh không đi. Do từ bi và lực thiện căn mới thấy suốt sự việc như đây, cho nên gọi là cảm ứng vi diệu. Thần thông vi diệu tức là thần thông của quá báo, tu tập, tác ý, thể nhập pháp, biến hóa, và biến hóa vô ký, quyền biến không tính toán mà xứng hợp với duyên chuyển biến. Hoặc xa, hoặc gần, hoặc mới trồng hoặc chín mùi hoặc đã giả thoát đều vì một đạo Nhất thừa, cho nên nói thần thông vi diệu. Thuyết pháp vi diệu tức là nói mười hai bộ pháp: Tiểu bộ pháp và đại bộ pháp. Phù hợp với duyên, pháp với pháp đã nói, pháp vi diệu viên mãn thì như Lý nói một cách trọn vẹn, đều khiến chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập

trì kiến của Phật cho nên gọi thuyết pháp là Diệu. Quyến thuộc vi diệu tức là quyến thuộc, của nghiệp, của thần thông, của nguyện, của cảm ứng, và của pháp môn. Như quầng mây bao phủ quanh trăng, quần thần và hào tộc trước sau bao quanh vua cho nên gọi là quyến thuộc vi diệu. Lợi ích vi diệu tức là lợi ích của quả, của nhân, của không, của giả, của Trung đạo và của biến dịch, khác nào biển lớn có khả năng thu nạp các Ròng mưa xuống cho nên gọi là lợi ích vi diệu.

Thứ hai, Dẫn chứng: Chỉ dẫn ra văn nói về Phật ở Tích địa (hiện tại) còn không thể dẫn chứng văn nói về Phật ở Bản địa, huống hồ là dẫn ra kinh khác! Văn kinh nói “các pháp như vậy tướng v.v... chỉ có Phật cùng Phật mới có thể rốt ráo hiểu biết Thật tướng của các pháp”. Thật tướng là môn trí tuệ của Phật và môn tức là cảnh. Lại nói “pháp vi diệu sâu xa ấy khó thấy, khó hiểu, ta và mười phương Phật mới có khả năng biết rõ tướng ấy” tức là cảnh vi diệu. “Chỗ đạt được trí tuệ của ta, vi diệu bậc nhất, lại lấy trí tuệ này mà cầu đạo vô thượng... vô lậu không thể nghĩ bàn; pháp rất sâu xa và vi diệu chỉ có ta biết được tướng ấy v.v...” tức là trí diệu. “Xưa (Bản) từ vô số Phật đều hành đầy đủ các đạo, khi hành các đạo này rồi đến đạo tràng đều chứng đắc quả vị. Lại nói “chấp tay, đem tâm cung kính muốn nghe đầy đủ các đạo”. Lại “các pháp xưa nay tướng của chúng thường tịch diệt, Phật tử hành đạo rồi, đời sau được làm Phật” tức là hành diệu. “Trời mưa bốn loại hoa” tức biểu thị hàng “Trụ, Hạnh, Hồi hương và Địa khai, thị, ngộ, nhập cũng là nghĩa quả vị. Cưỡi xe báu này để dạo chơi khắp bốn phương là nhân vị. “Thẳng đến đạo tràng” là quả vị. Đây gọi là địa vị vi diệu. “Phật tử tại trong Đại thừa như chỗ được pháp mà dùng lực của định, tuệ trang nghiêm” thì Đại thừa tức Chơn tánh, định tức là trợ giúp thành tựu còn tuệ là Quán chiếu. Đây là ba pháp vi diệu “Ta ở trong hai mươi một ngày suy nghĩ sự việc này, ta dùng Phật nhãn xem xét thấy chúng sanh trong sáu đường, tất cả chúng sanh đều là con của ta”, “xa thấy cha mình ngồi trên tòa sư tử” tức là cảm ứng vi diệu. “Nay đức Thế tôn nhập “Tam muội là không thể nghĩ bàn, hiện sự việc hiếm có” tức là thần thông vi diệu. “Như Lai dùng nhiều thứ phân biệt khéo nói các pháp, ngôn từ mềm mại làm vui đẹp lòng chúng”. Thân tử nói: Nghe âm giáo nhu nhuyễn của Phật thật sâu xa, vi diệu, lại chỗ thuyết pháp của ngài tất đều đạt đến Nhất thiết trí địa”, “chỉ nói vô thượng đạo”, “nay sẽ nói pháp tối thượng khó tin, khó hiểu” tức là thuyết pháp vi diệu. “Chỉ giáo hóa Bồ-tát, không có hàng đệ tử Thanh-văn” tức là quyến thuộc vi diệu. “Hiện tại và tương lai nếu ai nghe một câu, một

---

kệ thì đều được thọ ký đạo vô thượng”, lại nữa “người nghe trong chốc lát, lập tức được cứu cánh Tam miệu-tam-bồ-đề”, lại “nếu dùng Tiểu thừa giáo hóa thì ta liền rơi vào tham lam keo kiệt, sự việc này không thể được”, cuối cùng không khiến một người được diệt độ, đều dùng sự diệt độ của Như Lai mà diệt độ cho” tức là lợi ích vi diệu.

Thứ ba: Sanh khởi tức là cảnh giới Thật tướng, chẳng phải của trời, người và Phật tạo ra. Vốn tự có cảnh ấy chẳng phải nay mới có, nên cư trú ở nơi tối sơ nhất. Vì mê lý cho nên khởi sanh hoặc, hiểu lý nên sanh trí. Trí là làm nền tảng cho hành, nhờ mắt Trí tỏ, nên chân hành mới bước đi. Mắt, chân và cảnh ba pháp làm xe (Thừa), cưỡi xe ấy đi vào ao tươi mát. Nếu bước lên các vị thì vị an trú chỗ nào? Trụ ở trong ba pháp tạng bí mật. Trụ pháp này đã vắng lặng mà thường chiếu sáng. Chiếu soi căn cơ mười pháp giới, các căn cơ đến ắt đều thích ứng. Nếu đến căn cơ thị hiện ứng hóa thì trước hết dùng Thân luân, khiến chúng sanh thấy thần thông, phát sanh tâm hã, phục rồi sau để chúng có thể kham nhận đạo đức tức liền dùng khẩu luân tức miệng nói chỉ bày dẫn dắt. Chúng sanh đã thấm nhuần mưa pháp, mới tuân theo giáo, tiếp nhận đạo, trở thành quyến thuộc của pháp. Quyến thuộc lại thực hành các hạnh thoát khỏi căn bản của sanh tử, khai mở tri kiến Phật mà đạt nhiều lợi ích lớn. Năm Diệu trước ước định nhân quả đầy đủ của tự mình, năm Diệu sau ước định theo chúng sanh (tha), Năng và sở đều đủ. Pháp tuy vô lượng nhưng gói gọn trong mười ý nghĩa viên mãn, tự và tha trước sau đều rất ráo.

